

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày

tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19

trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 23/02/2022

(Từ 17h00 ngày 22/02/2022 đến 17h00 ngày 23/02/2022)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Nơi phát hiện					Tích lũy ca mắc	DTTS	Xuất viện	Tử vong
			Cộng đồng	CL tại nhà	Khu cách ly	Khu PT	Sàng lọc				
1	TP.BMT	832	807	25	0	0	0	8372	2014	4884	36
2	H. Lắk	64	14	46	0	0	4	1490	1165	1035	4
3	H. Krông Bông	14	2	8	0	0	4	799	387	463	2
4	H. Krông Buk	33	6	24	0	0	3	1439	1102	1238	8
5	H. Ea H'Leo	38	27	11	0	0	0	1096	358	773	2
6	H. Krông Pắc	98	73	25	0	0	0	1442	364	915	7
7	H. Krông Ana	50	33	17	0	0	0	1364	707	1080	4
8	H. Cư M'Gar	77	55	22	0	0	0	2509	1310	1948	9
9	H. Ea Súp	25	21	4	0	0	0	666	211	482	1
10	H. M'Đrăk	27	9	14	0	0	4	798	474	617	0
11	H. Krông Năng	39	24	14	1	0	0	739	289	447	5
12	H. Ea Kar	86	52	33	1	0	0	1445	467	886	3
13	H. Buôn Đôn	42	36	6	0	0	0	622	188	382	1
14	H. Cư Kuin	51	27	24	0	0	0	1335	639	1104	8
15	TX. Buôn Hồ	36	17	19	0	0	0	1864	732	1400	17
	TỔNG	1512	1203	292	2	0	15	25980	10407	17654	107

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã ghi nhận **25.980** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **17.654** trường hợp xuất viện, **107** trường hợp tử vong (01 trường hợp tử vong trong ngày), hiện còn điều trị **8.219** trường hợp.

- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **40,1%** số ca mắc

- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **1389,8/100.000** dân

- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly*	Mới	Tích lũy	Còn cách ly*
1	Tuyên tỉnh	0	74	0			
2	TP.BMT	0	243	0	832	6044	2928
3	TX. Buôn Hồ	0	108	0	46	4222	678
4	H. Ea H'Leo	0	16	0	46	1976	320
5	H.Krông Năng	0	0	0	60	1815	395
6	H. Cư M'Gar	4	846	6	53	4315	282
7	H. M'Đrăk	23	695	83	7	3984	16
8	H. Ea Kar	-	830	0	-	5089	774
9	H. Krông Pắc	8	89	0	157	3481	1655
10	H. Krông Bông	0	58	0	171	8849	866
11	H. Krông Ana	0	17	0	125	1000	392
12	H. Cư Kuin	0	0	0	55	1902	279
13	H. Lắk	-	544	0	-	1229	58
14	H. Buôn Đôn	14	237	52	184	3108	976
15	H. Ea Sup	0	0	0	190	3461	238
16	H. Krông Buk	-	0	0	143	1500	470
	TỔNG	49	3757	141	2069	51975	10327

B) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện/TX/TP (từ 01/01/2022)

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Cộng dồn
1	TP.BMT	0	0	3232
2	TX. Buôn Hồ	3	4	5467
3	H. Ea H'Leo	0	3	4486
4	H. Krông Năng	52	76	1996
5	H. Cư M'Gar	0	0	4389
6	H. M'Đrăk	0	0	1527
7	H. Ea Kar	9	-	11441
8	H. Krông Pắc	383	378	26946
9	H. Krông Bông	12	0	5608
10	H. Krông Ana	0	0	280
11	H. Cư Kuin	0	0	614
12	H. Lắk	0	0	648
13	H. Buôn Đôn	0	0	2137
14	H. Ea Sup	-	0	515
15	H. Krông Buk	10	-	85
	TỔNG	469	461	69371

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	164	2	2823	19	0	0	669	30	0
2	TP.BMT	1009	832	16935	5020	0	0	21	16	0
3	TX. Buôn Hồ	50	36	4617	516	0	0	5	0	0
4	H. EaH'Leo	281	73	13640	560	0	0	0	0	0
5	H.Krông Năng	123	70	3094	752	0	0	0	0	0
6	H. Cư M'Gar	421	82	9072	1121	0	0	1	1	0
7	H. M'Đrăk	154	27	12756	639	0	0	0	0	0
8	H. Ea Kar	-	-	8960	1032	0	0	0	0	0
9	H. Krông Pắc	266	117	14328	821	0	0	0	0	0
10	H.Krông Bông	181	14	7804	799	0	0	0	0	0
11	H. Krông Ana	230	50	3818	497	0	0	0	0	0
12	H. Cư Kuin	35	26	1333	394	0	0	3	2	0
13	H. Lắk	134	55	2564	957	0	0	33	26	0
14	H. Buôn Đôn	281	42	7286	410	0	0	113	6	0
15	H. Ea Sup	25	25	510	510	0	0	37	37	0
16	H. Krông Buk	-	-	1582	456	0	0	0	0	0
TỔNG		3354	1451	111122	14503	0	0	882	118	0

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19

a) Tổng số vắc xin đã nhận

	Loại vắc xin	Vắc xin nhận	Số mũi tiêm thực hiện	Tỷ lệ (%)
	TỔNG	3.150.498	3.325.007	105,5
1	AstraZeneca	804.950	915.029	113,7
2	Comirnaty	1.163.508	1.228.862	105,6
3	Moderna	121.800	124.201	102,0
4	Sinopharm	1.060.240	1.056.915	99,7

b) Kết quả tiêm vắc xin như sau:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Mũi 1		Mũi 2		Mũi 3	
			Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)
1	18 tuổi trở lên	1.266.098	1.235.128	97,6	1.187.491	93,8	562.347	44,4
2	50 tuổi trở lên	361.984	353.653	97,7	343.536	94,9	90.391	25,0
3	65 tuổi trở lên	103.549	103.001	99,5	97.367	94,0	47.832	46,2
4	PNCT từ 13 tuần tuổi thai	22.934	22.669	98,8	21.612	94,2	4.170	18,2
5	TE 15-17 tuổi	80.616	78.401	97,3	72.392	89,8		
6	TE 12-14 tuổi	105.147	99.564	94,7	89.684	85,3		

5. Công tác điều trị trong ngày

Tổng số bệnh nhân COVID-19: **25.980** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **17.654** trường hợp xuất viện, **107** trường hợp tử vong (01 trường hợp tử vong trong ngày), hiện còn điều trị **8.219** trường hợp.

a) Tại các cơ sở thu dung điều trị:

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	840	825	110	2	4	119	0
2	TTYT Krông Búk	230	212	237	45	0	0	20	0
3	BV khu vực 333	300	277	290	37	0	0	24	0
4	BV Lao và Bệnh Phổi	100	133	135	16	0	0	14	0
5	BVĐK Vùng TN	92	87	80	14	0	19	1	1
	Tổng	1722	1549	1567	222	2	23	178	1

- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n = 1.567)

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch				Hội chứng viêm hệ thống liên quan COVID-19 TE
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác	
1	BV Dã chiến 01	391	434	0	0	0	0	0	0	0
2	TTYT Krông Búk	227	10	0	0	0	0	0	0	0
3	BV khu vực 333	23	254	13	0	0	0	0	0	0
4	BV Lao và Bệnh Phổi	0	0	116	19	0	0	0	0	0
5	BVĐK Vùng TN	13	6	21	36	4	0	0	0	0
	Tổng	654	704	150	55	4	0	0	0	0
	Tỷ lệ %	41.7	44.9	9.6	3.5	0.3	0.0	0.0	0.0	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n= 1.567)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	825	0	0	0	0	0
2	TTYT Krông Búk	237	0	0	0	0	0
3	BV khu vực 333	285	5	0	0	0	0
4	BV Lao và Bệnh Phổi	116	19	0	0	0	0
5	BVĐK Vùng TN	51	20	5	0	4	0
	Cộng	1514	44	5	0	4	0
	Tỷ lệ %	96.6	2.8	0.3	0.0	0.3	0.0

b) Điều trị F0 tại nhà: mới 746 trường hợp, tích lũy **5.146** trường hợp, 1.297 trường hợp khỏi bệnh, chuyển tuyến 25 trường hợp, hiện còn điều trị 3.824 trường hợp.

	Địa phương	Mới	Tích lũy	Khỏi bệnh	Tích lũy khỏi bệnh	Chuyển tuyến trong ngày	Tích lũy chuyển tuyến	Còn điều trị
1	TP. BMT	478	3815	93	1041	0	20	2754
2	H. Lắk		0		0		0	0
3	H. Krông Bông		0		0		0	0
4	H. Krông Buk		0		0		0	0
5	H. Ea H'leo	10	79	0	0	0	0	79
6	H. Krông Pắc	104	434	34	95	0	0	339
7	H. Krông Ana		0		0		0	0
8	H. Cư M'gar		136		19		0	117
9	H. Ea Sup		0		0		0	0
10	H. M'Drak		0		0		0	0
11	Krông Năng	56	76	1	3	0	0	73
12	H. Ea Kar		0		0		0	0
13	H. Buôn Đôn		197		106		5	86
14	H. Cư Kuin	75	239	0	0	0	0	239
15	Tx Buôn Hồ	23	170	12	33	0	0	137
	Tổng	746	5146	140	1297	0	25	3824

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều **204** nhân lực/ tổng **1.614** lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (*Chi tiết tại phụ lục*).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ NHS /YS	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2									2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên								11	1	12	21
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	18	28	3	6	5	2		3	11	76	259
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk	10	16	3	1	2	1		10	4	47	76
5	Bệnh viện Dã chiến số 03 tỉnh Đắk Lắk											58
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh							5			5	36
7	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột							10	17		27	618
8	Thành phố Hồ Chí Minh										0	14
9	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2									2	202
10	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	1	8	8					6		23	75
11	Khu cách ly Ký túc xá Trường ĐH Tây Nguyên										0	44
12	KCL Trường CĐ Công nghệ TN	4	6								10	10
13	Khu cách ly Trường Chính trị										0	21
14	Khu cách ly Dây nhà bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3										0	2
15	Khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk										0	8
16	KCL Phân hiệu Trường ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk										0	8
17	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên										0	28
18	Trường THPT DTNT N'Trang Long										0	70
19	Trường THCS Hòa Phú										0	40
TỔNG CỘNG		37	58	14	7	7	3	15	47	16	204	1614

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	KTV	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	35	58	14	7	7	3	0	0	16	140	778
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	5	1	1	3	1				3	14	83
1.3	BVĐKTP.Buôn Ma Thuột	9	13	1	0	2	1			7	33	94
1.4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	4		8						1	13	41
1.5	Trung tâm Y tế Buôn Đôn	1	3								4	27
1.6	Bệnh viện Y HCT		2			1					3	82
1.7	Trung tâm Y tế Cư M'gar		4								4	58
1.8	TT Kiểm nghiệm thuốc. mỹ phẩm. thực phẩm				3						3	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	1	1								2	10
1.10	TTYT huyện Lắk	3	5								8	23
1.11	TTYT huyện Krông Pắc										0	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	1	1								2	19
1.13	TTYT huyện Krông Búk										0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	11
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		1								1	25
1.16	Bệnh viện Tâm thần		4			1					5	18
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2								3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng		2								2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	2	2								4	23
1.20	TTYT huyện M'Drăk		3	1							4	8
1.21	TTYT huyện Krông Ana										0	2
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2	4								6	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin	5	6	3	1	2	1			5	23	47
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		4								4	80
2	Bệnh viện tư nhân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	22
2.1	BVĐK Thiện Hạnh										0	11
2.2	BV Nhi Đức Tâm	2									2	2
2.3	BVĐK Hòa Bình										0	9
3	Y tế tư nhân (Phòng khám đa khoa. Phòng khám chuyên khoa....)										0	0
4	Cán bộ y tế hưu trí										0	0
5	Trường ĐH. CĐ	0	0	0	0	0	0	15	0	0	15	696
5.1	Trường ĐH BMT										0	283
5.2	Trường ĐH Tây Nguyên							15			15	345
5.3	Trường Cao đẳng Y tế										0	68
6	Bệnh viện Bạch Mai										0	9
7	Sở Y tế TP Hồ Chí Minh										0	2
8	Tình nguyện viên								47		47	107
TỔNG CỘNG		37	58	14	7	7	3	15	47	16	204	1614